TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **117**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30/10/2018
Về việc: Ly hôn và
tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thanh Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Minh Lý.

2. Bà Trần Thị Kim Phượng.

Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải – Kiểm sát viên.

Vào ngày 30 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 697/2018/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2018 về việc "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 126/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 78/2018/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trương Nguyễn Hồng N, sinh năm 1984; địa chỉ: phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có đơn xin vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Vũ Quốc H, sinh năm 1978; địa chỉ: phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 13/8/2018 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trương Nguyễn Hồng N trình bày:*

Chị Trương Nguyễn Hồng N và anh Vũ Quốc H tự nguyện tìm hiểu nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương vào ngày 28/6/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống chung với cha mẹ chồng, đến khi chị N

sinh con thì chị cùng con về nhà cha mẹ ruột, còn anh H đi làm và thường xuyên đến thăm mẹ con. Đến năm 2015, vợ chồng quyết định mua xe trả góp cho anh H chạy Taxi rồi chạy cho hãng Taxi Thắng Lợi. Kể từ đó, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, anh H không còn quan tâm đến vợ con, không tu chí làm ăn, thường xuyên chơi cờ bạc, uống rượu và sử dụng ma túy rồi bị đi cai nghiện 18 tháng mới về. Khi đó, chị N phải một mình vừa nuôi con nhỏ vừa đi làm để trả nợ cho ông H. Ngày 02/9/2017, anh H đi cai nghiện về, tưởng rằng anh H sẽ thay đổi, tu chí làm ăn để xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng anh H mà vẫn tiếp tục sử dụng ma túy và hiện tại vẫn chưa cai nghiện được. Mọi công việc trong gia đình đều do một mình chị N lo liệu, anh H không những không phụ giúp được chị N mà còn kiếm chuyện rồi hăm dọa chị, anh H cứ ghen tuông trong tưởng tượng, trong suy nghĩ của anh H lúc nào cũng cho rằng chị N có người đàn ông khác bên ngoài. Đến nay, tình cảm của chị N dành cho anh H không còn nên chị N làm đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh H. Về con chung: Chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Vũ Tùng L, sinh ngày 02/11/2013 và cháu Vũ Minh N, sinh ngày 30/8/2015, yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng/02 con. Về tài sản chung và nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 30/10/2018, chị N chỉ yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

** Tại bản tự khai ngày 18/9/2018, văn bản thay đổi ý kiến ngày 01/10/2018 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Vũ Quốc H trình bày:*

Anh H và chị N kết hôn với nhau là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 28/6/2010 tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Quá trình chung sống, vợ chồng sống với nhau hạnh phúc không xảy ra mâu thuẫn gì. Tuy nhiên, khoảng 01 năm trở lại đây, giữa anh H và chị N có xảy ra cãi vã nhau và đã sống ly thân khoảng 02 tháng nay. Nguyên nhân là do chị N đã có người đàn ông khác nên muốn ly hôn với anh H để đến với người đàn ông đó. Tháng 01/2016, anh H bị Tòa án áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa đi cai nghiện bắt buộc với thời hạn 20 tháng. Anh H đã chấp hành xong vào tháng 9/2017 và hiện tại anh H không còn nghiện ma túy. Do đó, qua yêu cầu ly hôn của chị N thì anh H không đồng ý ly hôn vì anh H vẫn còn tình cảm với vợ, mong muốn gia đình được đoàn tụ để vợ chồng cùng chăm lo cho con chung. Về con chung: Anh H yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung là cháu Vũ Tùng L, sinh ngày 02/11/2013 và giao cháu Vũ Minh N, sinh ngày 30/8/2015 cho chị N nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Không bên nào cấp dưỡng cho bên nào. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trương Nguyễn Hồng N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Vũ Quốc H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn cố tình vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Việc Tòa án nhân dân thành phố T thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70, 72, 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về tố tụng: Đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến và yêu cầu khắc phục gì thêm. Về mặt nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Trương Nguyễn Hồng N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Vũ Quốc H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn cố tình vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh H sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương vào ngày 28/6/2010 nên đây là hôn nhân hợp pháp đúng quy định về đăng ký kết hôn tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Nguyên đơn chị N trình bày nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do anh H không còn quan tâm đến vợ con, không tu chí làm ăn, thường xuyên chơi cờ bạc, uống rượu và sử dụng ma túy rồi bị đi cai nghiện 18 tháng mới về. Khi đó, chị N phải một mình vừa nuôi con nhỏ vừa đi làm để trả nợ cho anh H. Ngày 02/9/2017, ông H đi cai nghiện về, tưởng rằng anh H sẽ thay đổi, tu chí làm ăn để xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng anh H mà vẫn tiếp tục sử dụng ma túy và hiện tại vẫn chưa cai nghiện được. Mọi công việc trong gia đình đều do một mình chị N lo liệu, anh H không những không phụ giúp được chị N mà còn kiếm chuyện rồi hăm dọa chị, anh H cứ ghen tuông trong tưởng tượng, trong suy nghĩ của anh H lúc nào cũng cho rằng chị N có người đàn ông khác bên ngoài. Đến nay, tình cảm của chị N dành cho anh H không còn nên chị N làm đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh H. Anh H xác định vợ chồng sống với nhau hạnh phúc không xảy ra mâu thuẫn gì. Tuy nhiên, khoảng 01 năm trở lại đây, giữa anh H và chị N có xảy ra cãi vã nhau và đã sống ly thân khoảng 02 tháng nay. Nguyên nhân là do chị N đã có người đàn ông khác nên muốn ly

hôn với anh H để đến với người đàn ông đó. Tháng 01/2016, anh H bị Tòa án áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa đi cai nghiện bắt buộc với thời hạn 20 tháng. Anh H đã chấp hành xong vào tháng 9/2017 và hiện tại anh H không còn nghiện ma túy. Do đó, qua yêu cầu ly hôn của chị N thì anh H không đồng ý ly hôn vì anh H vẫn còn tình cảm với vợ, mong muốn gia đình được đoàn tụ để vợ chồng cùng chăm lo cho con chung.

Xét thấy: Tình trạng mâu thuẫn giữa chị N và anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị N và anh H đã sống ly thân 02 tháng nay, cho thấy vợ chồng không ai quan tâm gì đến ai, việc anh H không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được giải pháp nào để vợ chồng hàn gắn và đoàn tụ. Chị N cho rằng nguyên nhân vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là do anh H không tu chí làm ăn, ham chơi, nghiện ma túy và chính anh H cũng đã thừa nhận anh có sử dụng ma túy và đã bị Tòa án áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa đi cai nghiện bắt buộc với thời hạn 20 tháng cho thấy anh H là người sống không có trách nhiệm với gia đình, đã bỏ mặc vợ con muốn sống sao thì sống trong thời gian anh H đi cai nghiện ma túy. Do vậy, việc chị N yêu cầu được ly hôn với anh H là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Vũ Tùng L, sinh ngày 02/11/2013 và cháu Vũ Minh N, sinh ngày 30/8/2015. Chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L và cháu N. Anh H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ Tùng L, sinh ngày 02/11/2013 và giao cháu Vũ Minh N, sinh ngày 30/8/2015 cho chị N nuôi dưỡng. Xét thấy, anh H từng nghiện ma túy và từng bị đưa đi cai nghiện nên xét về nhân cách không đủ điều kiện để trực nuôi dưỡng và giáo dục con. Hơn nữa, cháu L và cháu H hiện đang con nhỏ cần có sự quan tâm chăm sóc của người mẹ và nhằm tránh việc xáo trộn tâm lý khi chia lìa tình anh em nên cần giao cháu L và cháu N cho chị N được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về cấp dưỡng: Chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ, đúng pháp luật.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 85 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 203, khoản 1 Điều 227, 228, 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trương Nguyễn Hồng N đối với bị đơn anh Vũ Quốc H về việc "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con".

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Nguyễn Hồng N được ly hôn với anh Vũ Quốc H.

1.2. Về con chung: Giao cháu Vũ Tùng L, sinh ngày 02/11/2013 và cháu Vũ Minh N, sinh ngày 30/8/2015 cho chị N được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Vũ Quốc H được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai có quyền cản trở. Trường hợp anh H lạm dụng quyền thăm nom con để gây khó khăn, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con của chị N thì chị N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung đối với anh H.

Vì quyền và lợi ích hợp pháp của các con chung là cháu Vũ Tùng L và cháu Vũ Minh N khi một trong các đương sự hoặc cả hai đương sự có yêu cầu thay đổi người nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con khi xét thấy cần thiết.

1.4. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trương Nguyễn Hồng N phải chịu số tiền 300.000^{đ} (Ba trăm nghìn đồng), được trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016-0022551 ngày 20/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

3. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố T;
- UBND phường C;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Thanh Tuyền